

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

QUYỂN 2 (Bản Luận 3, 4, 5)

BẢN LUẬN 3

Trong Ý địa, toàn văn phân làm hai đoạn, đoạn trên lấy năm môn phân tích Thể của Ý địa, đoạn dưới lấy mười môn giải thích nghĩa của Ý địa. Văn phân làm ba đoạn:

1. Đoạn văn trước năm môn là chỗ nhiếp của ba xứ, nêu khởi đầu mối của luận.

2. Hiện tại tương đương chỗ nói trước “các pháp của Sắc tụ” trở xuống, riêng giải thích mười môn.

3. Lấy tụng tổng kết.

“Trừ giả pháp”, là không có Chung tử riêng sinh. Lại nữa, không có Thể riêng, cho nên trừ nó, không phải dưới Ý địa, mà trong Địa này phân rõ bốn tướng.

- Nói về mười môn, có bài tụng:

*Sắc tụ, Tương ưng phẩm,
Thế gian, Tướng và Duyên,
Sai biệt môn của Thiện,
Xảo tiện sự làm sau.*

- Trong Thiện đó có ba môn:

1. Ba tánh.

2. Tăng số của mười hai Xứ.

3. Giải thích danh nghĩa của mười hai Xứ. Trong Sắc có hai phần là nêu và giải thích.

- Trong giải thích phân làm bảy phần:

1. Thuyết minh năm nhân Tạo sắc của đại chủng.

2. Thuyết minh Cực vi có sai biệt và không có sai biệt.

3. Thuyết minh Hỏa và Tạo hai thứ không lìa nhau.

4. Thuyết minh các sự nhiều ít của Sắc tụ.

5. Thuyết minh tương tục và gián đoạn của các Sắc.
6. Thuyết minh ba loại Sắc tụ sai biệt.
7. Thuyết minh Sắc tụ nương vào sáu Xứ mà chuyển.
 - Đại chủng Tạo sắc có thể làm năm nhân:
 1. Sinh nhân.
 2. Y nhân.
 3. Lập nhân.
 4. Trì nhân.
 5. Dưỡng nhân.

Như văn phối hợp thứ tự.

Trong Y nhân do Tạo sắc sinh đã không là Xứ của đại chủng mà chuyển, thuyết này tức là nói Chất tạo đồng với Tụ tạo, là thật tạo không phải giả tạo. Do ánh sáng của các mặt trời, mùi hương độc hành là đại chủng, sinh vào Sắc định cộng giới và Đạo cộng giới của cõi Vô sắc, vì không có bốn Đại. Thế lực thì nương vào đó mà có, đều có Y nhân.

Trong Trì nhân, do tùy theo lượng bất hoại của đại chủng, cũng nương vào nghĩa bốn Sở tạo của Đồng tụ, kích chất phát thành tiếng là Chất của đại chủng, hoặc Phụ chất của năm Cảnh đều đồng với lượng của Chất, từ thưa xa trở đi thì mới lớn hơn Chất.

Trong Dưỡng nhân, Đối Pháp luận quyển 1 ghi: “Do đại chủng dưỡng Tạo sắc kia khiến cho tăng trưởng”. Luận đó nói tất cả đại chủng đều là nghĩa nuôi dưỡng Tạo sắc, trong luận này thì chỉ nói trưởng dưỡng, bốn Đại giúp cho bốn duyên sinh khởi, có thể dưỡng Tạo sắc. Nhưng Sắc sở tạo thì đại chủng thân cận bồi dưỡng, đại chủng phải dựa vào bốn duyên nuôi lớn mới dưỡng Tạo sắc. Hiện tại nói ngoài duyên, là đại chủng mới có thể dưỡng, không phải ngoài bốn duyên là Dưỡng nhân này nương nhau mà có, là nghĩa của Tạo. Năm nhân của Sinh, đều thuộc về Tăng thượng duyên, hoặc có năm nghĩa, hoặc không đủ năm nghĩa, không phải quyết định có đủ, như trên có thể biết. Hoặc nương vào thật nghĩa, gần với nghĩa Sở tạo, chắc chắn là Đồng tánh tạo mà không phải Dị tánh tạo, phải Đồng loại tạo mà không phải Dị loại tạo. Hữu lậu và Vô lậu chắc chắn là Đồng loại, chắc chắn Đồng giới tạo, không phải Dị giới. Định và Loạn chắc chắn là Đồng pháp, không phải Dị pháp tạo. Hoặc giả nói là tạo, xa thì nương nhau mà tạo, tùy chỗ thích ứng, không ngăn ngại Dị thực trưởng dưỡng ba loại Đẳng lưu, hoặc mỗi mỗi đều thân cận tạo, hoặc ý dựa lẫn nhau tạo, lý cũng không trái. Những nghĩa môn khác có nói trong Biệt chương.

Trong Sắc tụ đã từng không có Cực vi sinh khởi, đây là hiển sự biến hiện nhanh chóng, không phải nghĩa dần dần tích tập, không đồng trong Tụ có Cực vi của Tát-bà-đa.

Lại nữa, không phải Cực vi tích tập thành Sắc tụ, Cực vi không có Thể, không đồng với nghĩa Chung tử thành bốn Đại của kinh Bộ, hợp với một chủng ở trước, không đồng với thô tế đều là thật của Thắng luận. Như sơ giải của Duy Thức quyển 1.

Cực vi cũng có Phương phân. Phương là các phương hướng, Phân là các phần nhỏ. Tuy có các phương, nhưng không có Tế phần Cực vi, mà chỗ có của Thô sắc, là có tự mà không có tha. Duy Thức quyển 1 ghi: “Cực vi không có phương hướng phần vị, Phương tức là Phân, không phải là nghĩa của các phương”. Hai văn tuy khác nhau, nhưng cũng không trái nhau.

Trong hai loại không lìa nhau, văn phân hai đoạn:

1. Lược giải hai loại.

2. “Lại cũng từ biến mãn...” trở xuống giải thích lại hai loại.

Đồng xứ không lìa nhau, là tùy Vô căn xứ, các Vô căn sắc, tùy Hữu căn xứ, các Hữu căn sắc, Tự loại do đại chủng tạo, đều là nghĩa đồng một xứ giao thiệp với nhau mà nhập. Không phải Cực vi nghĩa là mỗi mỗi đều trụ riêng. Hoà lẫn không lìa nhau, là đại chủng của Tự loại, cùng với đại chủng của loại khác giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, đều là nghĩa một xứ. Cho nên luận dưới đây ghi: “Trước là cùng đại chủng tích tụ, sau là không cùng đại chủng tích tụ”. Giải thích này trong Hoà tạp cũng ghi: “Tức là đại chủng Cực vi này cùng với các tụ tập khác, xứ của Sắc năng tạo và sở tạo đồng thời”. Cho nên không đồng với Tát-bà-đa Cực vi mỗi mỗi đều khác, Tụ thì đồng, Thể thì khác. Câu-xá tụng ghi:

*Dục nhẹ tụ vô thanh,
Vô căn có tám sự,
Hữu thân căn chín sự,
Hữu dư căn mười sự.*

Hiện tại Đại thừa, Đồng loại và Dị loại, tất cả đều đại chủng tạo, không có riêng Cực vi, tùy chỗ có Tụ đều giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, gọi là không lìa nhau. Lại nữa, Đồng xứ không lìa nhau là tùy theo Hữu căn và Vô căn, trong tất cả đại chủng Cực vi tức là Hữu căn. tùy chỗ thích ứng với tất cả Cực vi của Sắc sở tạo, lại giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, hợp thành một vật, không có riêng Cực vi trụ ở hai xứ, tức là một đại chủng Cực vi này cùng với tất cả Cực vi do đại

chủng tạo. Tuy đồng một xứ, nhưng không phải thành một Thể, vì tánh mỗi mỗi đều riêng, Dụng của mỗi mỗi đều khác. Tri không phải một tánh, các căn ở trong thọ dụng khắp, nhưng không chướng ngại nhau. Tri đồng một xứ, gọi là Đồng xứ không lìa nhau, vì tánh mỗi mỗi đều riêng, Dụng mỗi mỗi đều khác, cho nên gọi là Tạp, vì đồng một xứ cho nên gọi là Hoà. Xứ sở không có hai, đều nương vào một chỗ, Thể vẫn khác nhau, cho nên gọi là Xứ đồng thời. Nghĩa ý không tạp lẫn nhau có thể biết. Lại nữa, từ “Sắc tụ biến mãn này” trở xuống, là theo văn mà trước hết giải thích Hoà tạp không lìa nhau. Lại nữa, từ “Tất cả Sắc sở tạo” trở xuống, giải thích phương đồng với xứ, không lìa nhau. Tụ của các đầu mè, Thể và Loại ở riêng, đại chủng tạo Cực vi, không đồng với điều đó. Chỉ như các vật đá mài thành bột, lấy nước hoà chung thì xứ sở khó phân, tánh của nó mỗi mỗi đều khác, là nghĩa Hoà lẫn không lìa nhau. Lại nữa, từ “tất cả Sắc sở tạo” trở xuống, cho đến xứ sở mà đại chủng y cứ, đó chính là Chất tạo, các Sắc sở tạo trở lại y cứ vào đây. Đại chủng Tạo sắc, đồng nương vào một xứ, không đồng với các tông khác. Loại mỗi mỗi đều trụ riêng, là nghĩa không lìa nhau. Từ trên đến đây, chỗ giải thích hai đoạn văn sau, thuận với nghĩa “lại nữa” sau trong giải thích hai xứ trước. Hoặc y theo nghĩa của “lại nữa” thứ nhất thì đại chủng tạo của Đồng loại và Dị loại mong nhau. Nghĩa căn cứ theo đây mà hiểu. Nghĩa này như Quyết Trạch phần quyển 54, 65 và sơ giải Đối Pháp luận quyển 5.

- Trong các sự nhiều ít của Sắc tụ phân làm hai phần:

1. Tổng thuyết minh Sự nhiều ít.

2. Lại từ “phỏng theo tướng nhiếp” trở xuống, riêng hiển nghĩa của chữ Nhiếp.

Sự là Thể, là Vật, nói chung các Sắc tụ. Có mười bốn vật, trừ quả của Thắng định, không phải do Định mà có. Đây là nói thật thể, trừ ra tất cả giả.

Tất cả Hữu sắc của Sắc tụ là chỗ nhiếp của các căn. Quyển 54 ghi: “Như Nhân, nếu căn cứ theo tướng nhiếp thì chỉ có một. Là sắc thanh tịnh của Nhân, hoặc Tương ly và Tương nhiếp có bảy pháp. Là Sắc, Hương, Vị, Xúc, Thân địa của Nhân, hoặc là giới nhiếp có mười pháp, thêm Thủy, Hỏa, Phong. Nhĩ, Tỷ và Thiệt cũng như thế. Hoặc Thân căn, trừ bốn căn như Nhân v.v..., thì cũng có thể chứng đắc riêng, chỉ có thể có chín pháp. Giới nghĩa là nhân, thuận với tông của kinh Bộ, vì Sắc có thể trì Chủng mà nói là Hữu, trong giới của nó, hoặc trong Tụ của nó, có thể có tác dụng năng sinh của Sắc kia. Trong Tăng thượng

duyên, lập làm giới để gọi, hoặc giới nghĩa là tánh, tức là sự thể của nó, như cõi Dục có bốn căn như Nhãn v.v... thì quyết định có Thân căn. Có sự đối với điều này khởi vọng kế chấp rằng: “Nếu chứng đắc Thiên nhãn thì cũng chứng đắc Địa và thân căn đó, vì không lìa nhau”. Nghĩa đó không đúng. Tạp Tâm ghi: “Cực vi tại bốn căn, mười chủng phải nên biết, Thân căn chín còn tám, là tại Hữu hương địa”. Hoặc vì bốn căn này có mười chủng cho nên quyết định có thân. Thần thông của Hữu hương địa như thế nào? Câu-xá luận cũng ghi: “Dục nhỏ nhẹ tụ tập”. Ca-diên cũng nói: “Có chút ít thành tựu Địa và Nhãn của nó, mà không thành tựu Địa và thân căn hay sao? Đáp rằng: Có. Là thân tại cõi Dục, khởi Thiên nhãn thông”. Cho nên biết chỗ chấp của sư kia là phi lý. Tướng nhiếp, là phỏng theo Thể mà nhiếp, vì mỗi mỗi đều tự lấy Thể và tự nhiếp, như Hữu sắc, vì tự có. Giới nhiếp, là lấy Thể đối với Dụng. Bất tương ly nhiếp, là Thể và Dụng không lìa nhau.

- Trong Tương tục và GIÁN ĐOẠN của các Sắc có sáu phần:

1. Thanh.
2. Phong.
3. Thuyết minh Sắc sáng tối.
4. Lớn nhỏ vô gián sinh.
5. Giải thích kinh.
6. Hiển âm thanh của pháp giới Hữu.

Giới là bốn Đại làm nhân tạo âm thanh. Hằng hành phong, là Phong trì giữ thế giới và mặt trời, hằng làm các sắc tối tương tục, nghĩa là sắc tối trong thế giới, không nói Không kiếp, cho nên biết luận kia không có, hoặc nghĩa không đúng, vì nói Huỳnh (rất xa) không đồng với sắc tối. Kiên tức là Địa giới của giới kia. Kiên nhiếp, là các tướng khác nhiếp. Phi chấp thọ Chứng tử, là Vô lậu chủng tử, tuy nương vào Thức, nhưng vì Thức không duyên cho nên gọi là Phi chấp thọ.

Sắc tụ có ba thứ lưu chuyển, là nghiệp quả gọi là Dị thực, chỗ nuôi dưỡng của bốn duyên hiện tại gọi là trưởng dưỡng, không phải hai loại trước, chỉ có Tự loại tương sinh gọi là Đăng lưu, không đồng với Tiểu thừa lập riêng sát-na, Đại thừa thì quyết định Trưởng dưỡng nhiếp, hoặc là Đăng lưu nhiếp, vì Hữu lậu được dẫn Vô lậu pháp. Hiện hành từ Chứng tử của nó sinh, so sánh Sắc thể thứ nhất là Giả và Tà.

Xứ rộng khắp là Thể rộng đầy khắp xứ sở. Tướng tăng thịnh là xứ sở vẫn tương trạng như xưa mà chuyển biến tăng thêm. Biến dị đăng lưu là biến đổi tướng xưa cũ, như xanh biến vàng, thanh biến trắng. Tự tánh Đăng lưu là trụ ở địa vị cũ, sinh diệt tương tục. Sơ Dị thực sinh gọi là

Dẫn nghiệp quả, Dị thực sau sinh gọi là quả Mãn nghiệp. Các pháp có hai loại là Hữu vi và Vô vi. Vô vi không có ba thứ này (xứ, tướng, biến dị), vì không có sai biệt, Hữu vi thì có. Hữu vi phân làm hai là Hữu lậu và Vô lậu. Hữu lậu có đủ ba thứ, Vô lậu thì chỉ có hai thứ, vì không có nghiệp quả. Và lại trong Vô lậu, các căn chỉ có một, không có Đẳng lưu. Các Sắc khác bên trong có hai loại, hoặc là Chấp thọ thì chỉ có Trưởng dưỡng, Phi chấp thọ thì thông với Đẳng lưu. Sắc năm Trần bên ngoài cũng thông với hai loại. Trên nói có Trưởng dưỡng và Đẳng lưu là mỗi thứ đều có đủ hai chủng, là Thắng định quả sắc của Trưởng dưỡng và Đẳng lưu. Các Tâm và Tâm sở có hai thứ, Đẳng lưu thì chỉ có một thứ, Trưởng dưỡng thì trừ ra Xứ rộng khắp, đây là nói các pháp giả sắc và Định quả thật sắc của pháp Xứ, hoặc thông với Xứ rộng khắp. Trên nói về Vô lậu đã xong.

Trong Uẩn hữu lậu, bên trong năm căn chỉ có Trưởng dưỡng và Dị thực sinh, không có Đẳng lưu, có đủ hai Trưởng dưỡng, không có Sơ dị thực, trong các Sắc khác có đủ ba loại, hoặc ngoài các Sắc chỉ trừ ra Dị thực và pháp xứ nhiếp Sắc. Giả chỉ có một Trưởng dưỡng, trừ ra Xứ rộng khắp. Thông với hai Đẳng lưu, thì các Tâm và Tâm sở tất cả đều có đủ, chỉ không có một loại Trưởng dưỡng của Xứ rộng khắp. Hoặc đối với tám Thức, năm Sắc của pháp xứ, sau đó đáng lẽ phân biệt, nhưng sợ dài dòng nên không nói. Trong quyển 54, văn của Tổng tụ ghi: “Hoặc Sắc năm căn có Trưởng dưỡng và Dị thực, không có Đẳng lưu. Các Sắc của Phi căn có đủ ba thứ Đẳng lưu. Các Tâm, Tâm sở có Đẳng lưu và Dị thực. Chỗ trưởng dưỡng Đẳng lưu pháp Xứ nhiếp Sắc của Trưởng dưỡng thứ hai, không có Dị thực sinh, ngoài ra như Tâm và Tâm sở. Tuy nói như vậy nhưng cũng không trái nhau. Lại có ba cõi sai biệt thì trưởng dưỡng có khác nhau. Vấn đáp về Phân biệt, đều như quyển 54. Hoặc nói Dị thực, ban đầu sinh sát-na, sau đó thì tương tục, phân làm hai. Nói cùng với lý trước khác nhau, lý sau nên cứ theo đó mà tư duy.

Trong sáu Y xứ, Kiến lập là Phong luân và Kim luân, cùng nhau nương trì pháp, che giấu nghĩa là nhà cửa v.v...

Trong đoạn thứ hai thuyết minh Uẩn tương ưng, văn phân làm năm phần:

1. Nêu ra tâm và năm mươi ba pháp Tâm sở.
2. Bốn loại hết thấy, phân rõ năm vị sai biệt của Tâm sở, hợp chung Phiền não và Tùy phiền não làm một.
3. Phân rõ các Thức sinh do căn và cảnh.
4. Lại nữa, từ “Thức có thể phân biệt Tổng tướng của Sự...” trở

xuống, thuyết minh Tâm và Tâm sở tương ưng hành.

5. Từ “Tác ý...” trở xuống, thuyết minh Biến hành và Biệt cảnh. Hai vị Tâm sở, Thể và nghiệp sai biệt.

a) Hết thấy Xứ, Duy Thức quyển 5 giải thích là ba Tánh xứ.

b) Hết thấy Địa, có hai nghĩa: một là ba Địa của Hữu tâm, hai là bốn Sắc và bốn Vô sắc gồm có một cõi Dục, hợp lại làm chín Địa.

c) Hết thấy Thời, là tâm sinh thì chắc có.

d) Hết thấy, là tùy theo địa vị của tự nó mà khởi một thì chắc hẳn là đồng thời. Biến hành thì có đủ bốn thứ, Biệt cảnh thì không có hai thứ sau. Trong mười một Thiện, thông với hết thấy Địa, không phải hết thấy Xứ, vì chỉ có tánh thiện. Không phải hết thấy Thời, vì không phải tâm sinh Thời mà là đều cùng khởi. Không phải hết thấy, vì các thiện tâm khinh an bất biến. Hết thấy Địa, có nghĩa là thông với chín Địa, vì Định gia hạnh cũng gọi là Định địa, vì nó cũng có những từ nghĩa vi tế thông nhau, do đây cõi Dục cũng có Khinh an. Gọi là Bất định địa thông với tất cả Địa, là ba Địa của Hữu tâm tứ đều có. Như Duy Thức quyển 6 nói, Phiền não và Tùy phiền não hợp chung lại làm Nhiễm vị, bốn loại đều không có, Bất định thì chỉ có hết thấy Tánh xứ. Duy Thức quyển 5 ghi: “Trong năm Biến hành có đủ bốn hết thấy, Biệt cảnh thì chỉ có hai hết thấy trước. Mười một Thiện tâm sở chỉ có một, Nhiễm tâm sở thì cả bốn đều không. Bất định thì chỉ có một là hết thấy tánh”. Như quyển 8 dưới đây và quyển 55, 58, 59, Duy Thức quyển 5, quyển 6, Đối Pháp luận quyển 1 giải thích.

Trong phần nói về do Căn và Cảnh mà các Thức sinh, đoạn từ “lại nữa không phải thân của năm Thức có hai sát-na...” trở xuống, giải thích Thức là được sinh.

Hai nhân Bất hoại của căn:

1. Bất diệt hoại, không phải hoàn toàn không có.
2. Không thừa không thiếu, không phải yếu kém.

Trong quyển 54 giải thích diệt và hoại, thừa và thiếu, và do bốn duyên mà các căn biến dị, ngược lại đó tức là hai nghĩa bất hoại này. Đây là nói Sắc căn, Ý căn của nó không hoại, luận kia nói do bốn duyên mà Ý căn hoại, ngược lại đây tức là Ý căn thứ sáu kia không đồng với năm Căn. Không nói nghĩa của Căn thứ bảy và thứ tám không hoại. Cứ theo đây suy ra có thể biết.

Trong cảnh giới hiện tiền có sáu thứ, là Sở y xứ cho nên bằng nhau. Quyển 54 ghi: “Hỏi: Như Bản Địa phần nói, tánh sở hành của bốn loại có sai biệt gì”? Tức là tùy theo thứ tự mà giải thích sáu loại trong

đây, nên tìm văn của nó mà đọc. Sở y xứ, là Sở y của nội thân, là Khí thể gian vì đó là xứ Sở y của hữu tình. Nói hiển bày rõ ràng và không rõ ràng, như luận kia ghi: “Đó là sự khác nhau giữa chấp thật và không thật”, nghĩa là mỗi loại đều ở trong Tự cảnh. Chấp thật có Thể thì hiển bày rõ ràng dễ biết, chấp không thật thì gọi là không rõ ràng. Toàn phần và một phần, luận kia nói là nhận lấy sự của một phần và sự đầy đủ là tổng biến duyên trong một Tự cảnh, gọi là toàn phần, duyên một phần sự gọi là một phần.

Trong bốn loại Chướng, chướng là nhà cửa, chướng ẩn mất là thân thông và thảo dược, vì ẩn khiến cho không thấy. Chướng đoạt mất ánh sáng là lực thù thắng ánh chiếu đoạt mất, cũng như ánh mặt trời chiếu mất các đóm sao. hưởng huyễn hoặc là do quỷ mị và chú thuật làm các điều huyễn hoặc chướng ngại.

Xứ sở quá xa là trụ xứ của các phương mỗi mỗi đều xa. Tổn giảm quá xa là trước khi thành thô sắc, tuy gần với hiện tiền, nhưng tổn giảm thì rất tế, gọi là tổn giảm quá xa, tức là nghiền lúa thành bột. Quyển 54 ghi: “Không phải Cực tế viễn gọi là hiện tiền”. Riêng nói nghĩa của các Căn và Cảnh hiện tiền, đều như chỗ nói trên.

Bốn lực của Tác ý, ba lực đầu như thứ tự của nó, duyên cảnh giới vị lai, quá khứ và hiện tại. Một lực thứ tư thì duyên thông ba đời. Hoặc khác với thuyết này, đáng lẽ một Cảnh sở duyên chỉ có một Tác ý và tất cả thời sinh. Hoặc khác với thuyết trước, bốn lực sinh Tác ý đáng lẽ đối với một Cảnh, một Tác ý hằng sinh, cho nên biết chắc chắn do bốn lực.

Lại nữa, từ “không phải năm Thức có hai sát-na...” trở xuống, thuyết minh Thức là được sinh, văn phân làm bốn đoạn:

1. Thuyết minh năm Thức và sát-na.

2. Thuyết minh năm tâm sai biệt.

3. Giải thích chữ “nhất tâm” của kinh.

4. Thuyết minh ba đời của cảnh duyên năm tâm. Trong năm Thức và sát-na, Duy Thức quyển 4 có hai thuyết:

1. Năm Thức chỉ có một sát-na. Tự loại trước và sau quyết định không có hai sát-na, tùy lẫn nhau mà sinh, cũng không phải năm Thức triển chuyển không gián đoạn, lại lẫn nhau mà sinh, lấy văn này làm chứng. Quyết Trạch phần ghi: “Hoặc là sáu Thức này làm Vô gián duyên của sáu Thức kia, thì đều nói là sáu, có ý nói năm Thức trước sau quyết định chỉ có Ý thức, Ý thức thì thông với Sinh.

2. Đây là y theo Vị chưa tự tại, phần nhiều là tâm khinh suất chỉ có

một sát-na, không phải là tâm Đẳng lưu và vị Tự tại, rộng dẫn lý giáo đều như luận kia nói. Nương tựa của luận kia là chánh nghĩa thứ ba, tuy mỗi mỗi đều là Tự loại, nhưng không nói sát-na của năm Thức tương tục, đồng với trước và đồng với sau, đều không nghịch lý. Nhưng lấy nghĩa sau, vì phần nhiều là thuận với các văn.

Lại nữa, năm Thức của một sát-na đã sinh, thì từ Vô gián này chắc chắn Ý thức sinh, đây là nói sau tâm khinh suất quyết định có tìm cầu. Sau tìm cầu, hoặc lúc đó là tán loạn thì sinh tức là bất định, hoặc khi không tán loạn thì tâm quyết định sinh, tâm Nhiễm và tâm Tịnh sinh, do phân biệt và chỗ dẫn hai nhân ở trước. Khởi phân biệt là chưa từng chứng đắc Cảnh, vì hiện tại phân biệt. Chỗ dẫn ở trước, là Cảnh đã chứng đắc cho nên sinh, Ý thức thì do hai nhân. Năm Thức thì chỉ do một nhân, đây là nói Đẳng lưu của năm Thức, Đẳng lưu của Ý thức cũng như thế. Trong đây chỉ nói sau tìm cầu là bất định mà không nói sau quyết định và sau nhiễm tịnh là bất định, lý đều thông. Nhưng luận này không nói sau tâm khinh suất, nhưng sinh tìm cầu và bất định cho nên biết sau tâm khinh suất nhất định khởi tìm cầu. Quyết Trạch phần cũng ghi: “Trong Định thì Nhĩ thức nghe âm thanh khinh suất, nếu có hy vọng thì sau đó mới xuất hiện là hy vọng như vậy, vì tâm tìm cầu. Ngoài các nghĩa khác có nói trong phần năm tâm.

Sát-na của một tâm. Đây có ý muốn nói, chuyên một tánh tâm trong một Cảnh, tuy nhiều niệm nhưng vẫn gọi là một tâm. Lại nữa, vì tánh loại trước và sau tương tự cho nên gọi là một tâm.

Lại nữa, từ “Ý thức mặc tình tán loạn duyên chưa quen cảnh...” trở xuống, thuyết minh ba đời của cảnh duyên năm tâm. Ở đây có hai thuyết:

1. Ý thức không phải gắng gượng phân biệt, mà mặc tình sinh, không phải ở trong định, mà tán loạn sinh, hoặc duyên cảnh chưa quen, thì không cùng với cảnh khác đồng thời sinh, lúc đó Ý thức mới bắt đầu duyên Cảnh, gọi là tâm khinh suất đoạ, vì không có hy vọng, không gọi là duyên vị lai. Tuy duyên hiện tại, nhưng đã từng chứng đắc chủng loại của Cảnh, chỉ gọi là duyên Cảnh quá khứ, đây là nói một mình Ý thức sinh. Chỗ khởi hành tương của tâm khinh suất ban đầu thì duyên với chủng loại của Cảnh quá khứ, gọi là duyên quá khứ. Hoặc gắng gượng phân biệt và tâm tại Định, duyên với cảnh đã quen, cùng với Dục đồng thời. Đây là tâm khinh suất của Ý thức. Duyên ba đời bất định, chính tâm khinh suất đoạ không gián đoạn của năm Thức. Chỗ sinh của Ý thức, là tìm cầu và quyết định. Chỉ nên nói duyên với Cảnh hiện tại,

theo sát-na mà luận thì thật ra là duyên quá khứ. Y theo phần vị ba đời và y theo tướng của sở duyên gần, thì chỉ nên nói là duyên hiện tại. Nếu có vấn nạn rằng: tìm cầu và quyết định đều do duyên niệm trước của năm Thức mà sinh duyên đời quá khứ, tại sao ở đây nói duyên hiện tại? Cho nên luận nói chung, hoặc tìm cầu và quyết định này duyên Cảnh kia mà sinh. Là nếu hai tâm này duyên với cảnh sở duyên của năm thức trong nghiệp trước, đáng lẽ gọi là duyên quá khứ, nhưng chỉ giống như tương tục trong đời hiện tại, là Sở duyên của hai tâm tìm cầu và quyết định này, thì Thủ đáng lẽ gọi là duyên hiện tại, không phải đối với bản chất mà không phải gọi là duyên quá khứ. Đây là ý ảnh hiện khinh suất của năm Thức, chỉ có duyên hiện tại. Tìm cầu và quyết định của Ý thức khinh suất cũng duyên quá khứ.

2. Giải thích tên gọi tâm khinh suất đoạ, đoạn trước giải thích tâm khinh suất đoạ của ý thức, từ trước đến đây chưa giải thích Ý thức khinh suất. Nếu là gắng gương phân biệt và Định tâm gồm Cảnh đã tập quen, Hữu dục sinh thì Ý thức lúc đó không gọi là tâm khinh suất đoạ. Hoặc Nhậm vận cho đến Vô dục sinh mới gọi là khinh suất. Từ trước đến đây chưa nói về tâm khinh suất đoạ của Ý thức, cho nên bây giờ nói.

Từ “chỉ có duyên năm Thức không gián đoạn của Cảnh quá khứ...” trở xuống, đây là giải thích năm thức tìm cầu và quyết định. Ý thức nắm lấy Cảnh bản chất của năm thức trong niệm trước, chỉ duyên Cảnh quá khứ, do Ảnh tượng của cảnh khinh suất trước này mà ý thức duyên theo tương tự và tương tục hiện trên hai tâm tìm cầu và quyết định, chỉ nên nói duyên Cảnh hiện tại, tức là từ bản chất chỉ duyên quá khứ. Hoặc từ Ảnh tượng chỉ duyên hiện tại thì tâm khinh suất của Ý thức duyên Cảnh hiện tại, lý đó đâu có nghi ngờ gì! Tổng nói duyên quá khứ thì liền mắc kẹt, cho nên đáng lẽ đọc dài ra, chỉ có duyên quá khứ ở văn dưới nhiếp thuộc hai tâm tìm cầu và quyết định. Duyên hiện tại của nó cũng thuộc hai tâm thì nghĩa đạo liền xa, cũng không có phương hại. Hoặc Cảnh và Tâm của Duyên hiện tại này, tức là Duyên của Cảnh quá khứ kia sinh, cho nên thông với hai đời. Ảnh tượng của bản chất có sai biệt, Đăng lưu của Nhiễm tịnh chắc chắn tùy theo trước mà chuyển, cho nên biết hai tâm cũng duyên hiện tại. Năm tâm của các đời khác cũng bất định.

Lại nữa, tổng tướng của Thức năng liễu biệt sự, Thành Duy Thức luận ghi: “Đối với sở duyên chỉ nắm lấy tổng tướng. Tâm sở đối với duyên đó cũng nắm lấy biệt tướng trợ thành sự của tâm, mà được tên Tâm sở, như thợ vẽ tô màu, Tâm vương thì không thể nắm lấy Biệt tướng của Cảnh, chỉ nắm lấy tổng cảnh. Tâm sở không phải chỉ nắm lấy

tổng tướng của Cảnh, mà còn nắm lấy biệt tướng tùy ứng trên Cảnh, cho nên thuyết này nói tức là chỗ chưa Liễu biệt. Duy Thức giải thích: “Đây là nói Tâm sở, cũng lấy tổng tướng của Cảnh, trên Tổng cảnh này, chỗ chưa Liễu biệt là biệt tướng của Cảnh”.

Cảnh tướng sở liễu khéo liễu biệt, gọi là Tác ý. Đây tức là hiển Tác ý nắm lấy Biệt tướng sở thủ của các Tâm sở, đều như luận kia nói, trong đây chỉ nói tâm khởi thì đồng thời, chỉ nói hành tướng của Biến hành tâm sở, do đây gồm hiển Biến hành và Biệt cảnh, thông với ba tâm của ba tánh, hành tướng tăng mạnh thêm cho nên nói thiên về Thế và nghiệp, còn lại thì lược bỏ không luận, đều như Duy Thức nói. Phân biệt của Cảnh, là nói Nhân, Tướng khéo chấp lấy. Tướng trên Cảnh thuận lý hay trái lý, đều là Hành nhân của ba nghiệp. Do Tư có thể Thủ. Tuy các Tâm sở đều có thể thông với Thủ, nhưng thiên về sự tăng thêm mà nói, cũng không trái nhau.

Tác ý gọi là tâm hồi chuyển. Xúc là ba Hoà hợp, như Duy Thức quyển 3 nói. Hồi chuyển, nghĩa là khởi động, luận đó nói đáng lẽ không phải Biến hành, không phải là lý thiết thật.

Định khiến cho tâm chuyên một cảnh, gọi là tánh một cảnh của tâm.

Xúc nghiệp chỉ có Thọ, Tưởng, Tư làm Sở y. Duy Thức giải thích: “Tư đối với Hành uẩn là chủ yếu thù thắng”. Thật ra là thông làm Sở y.

- Trong Thế có ba thứ:

1. Đạo lý tam thế.
2. Duy thức tam thế.
3. Thần thông tam thế.

Như Duy Thức quyển 3 số.

Nói rằng các Chủng tử không lìa pháp, cho nên như pháp mà kiến lập. Tùy thuận với Tát-bà-đa nói, Chủng tử không lìa tâm pháp, như tâm pháp mà kiến lập ba đời. Tát-bà-đa nói Thế của Chủng tử tức là Tâm. Tùy thuận với kinh Bộ nói, Chủng tử không lìa các pháp sắc tâm, như pháp sắc tâm mà kiến lập ba đời, luận đó nói vì Sắc tâm có thể trì Chủng tử. hiện tại là Đại thừa giải thích, Chủng tử không lìa pháp của thức thứ tám, như pháp của thức thứ tám mà kiến lập ba đời. Lại nữa, Chủng tử không lìa ngoài Hiện hành, có Thế rõ ràng mạch lạc như Hiện hành pháp, y trên Chủng tử mà kiến lập ba đời. Tại sao kiến lập trên Chủng tử? Có thể sinh quả gọi là vị lai, có thể sinh nhân của Chủng tử gọi là quá khứ, Tự thể của Chủng tử gọi là hiện tại. Lại nữa, các pháp

Hiện hành phần nhiều là gián đoạn, Chủng tử thì hằng tương tục, Chủng tử đã lia các pháp Hiện hành, có Thể rõ ràng mạch lạc. Pháp đã có ba đời, cho nên Chủng tử này như pháp mà kiến lập nghĩa của ba đời. Đây là tổng nêu Kiến lập ba đời, Thể của Sở y dựa trên Chủng tử mà lập. Dưới đây là giải thích riêng nghĩa của chữ Thể. Sợ rằng có người ngoài vấn nạn. Chủng tử đã là hằng hữu thì đáng lẽ không phải Thể nhiếp, cho nên Như đối với Pháp cũng là chỗ nhiếp của Thể.

Lại nữa, do cùng với Quả hoặc chưa cùng với Quả. Đây là giải thích hai đời quá khứ và vị lai, y trên Chủng tử hiện tại mà lập nghĩa. Trên Chủng tử hiện tại đã cùng với nghĩa của Quả gọi là quá khứ, chưa cùng với nghĩa của Quả gọi là vị lai, Thể Sở y của hai quả này gọi là hiện tại. Bây giờ chỉ nương vào đạo lý để phân rõ ba đời. Hiện tại trong Đại thừa, có thể nghĩa của Nhân, gọi tên là Thủ quả, chỉ có đời hiện tại, cho nên Duy Thức ghi: “Tuy nhân cùng với quả, có Câu và Bất câu, mà trong thời hiện tại, mới có Dụng của Nhân. Hoặc là khi quả khởi, Nhân giao phó cho quả, gọi là cùng với Quả, hiện tại trên Chủng tử. Có nghĩa là đã từng ba đời giao phó cho quả, gọi là quá khứ. Hiện tại và vị lai cùng với quả, tương lai mới giáo phó, gọi là vị lai. Hiện tại chính là Thủ, gọi là hiện tại.

“Hoặc các quả pháp, hoặc đã diệt tướng...” trở xuống, giải thích y theo Hiện hành mà kiến lập nghĩa của Thể.

- Trong bốn Tướng phân làm ba đoạn:

1. Phân rõ Sở y.
2. Phân rõ tướng trạng.
3. Phân rõ phần vị giả lập.

Sinh diệt của Đại thừa, đã tức là pháp phân rõ, lại càng không có Thể riêng, Tiểu thừa thì nói có, Bách luận thì vấn nạn. Hữu diệt, là diệt pháp khiến cho không có nhập quá khứ, diệt pháp trong hiện tại gọi là Hữu. Hữu sinh, là Sinh pháp khiến cho Hữu nhập hiện tại, thì Sinh pháp ở vị lai đáng lẽ nói là không có. Đây là vấn nạn Thể của bốn tướng đồng thời thành Hữu.

Luận ghi: “Nói rằng tất cả Chủng tử tương tục trong hết thủy Xứ thức tương tục do Câu hành kiến lập”. Đây là tổng nêu bốn tướng y theo Chủng tử mà lập hết thủy Xứ, ba cõi và Cửu địa. Thức tương tục, là Thức thứ tám. Tất cả Chủng tử tương tục là sát-na của Chủng tử diệt, không có gián đoạn, gọi là tương tục. Câu hành là Chủng tử cùng với Bản thức hằng đồng thời hiện hành. Kiến lập là y theo chín Địa và Thức thứ tám này tương tục câu hành. Tất cả Chủng tử kiến lập bốn Tướng

không y theo Hiện hành, do ba nghĩa:

1. Chủng tử tương tục.
2. Nhân của các pháp.
3. Không lìa Thức. Hoặc nói Chủng tử tức là nói các Thức.

Lại nữa, giải thích rằng: “Trong Bản thức, hết thấy Chủng tử tương tục câu hành trên pháp mà kiến lập bốn tướng, tức là nương trên tất cả pháp hữu vi pháp mà kiến lập bốn tướng. Tất cả pháp hữu vi hữu lậu và vô lậu nếu khởi thì chắc chắn cùng với Chủng tử câu hành, tức là thông với thuyết y trên hiện tại và Chủng tử. Nói nghĩa của bốn tướng, ở sau Sinh tức là nói khác mà có. Điều này có hai nghĩa:

1. Khiến cho sinh chán. Là muốn hiển Thể tự tánh của Sinh biến dị không thể ưa thích, hoặc tức là nói Trụ, thì phần nhiều sinh ra ưa thích, sinh ra Trụ.

2. Muốn hiển Tướng khi không có Dụng riêng, tức là Sinh tướng này, cùng với Biệt danh trước và sau khác nhau, đã như thế thì tùy theo chuyển gọi là Trụ, sau đó không Trụ thì gọi là Diệt, không đồng với tông khác.

Trong hai Di tánh, tánh thứ nhất là pháp Đồng loại trước sau khác nhau, tánh thứ hai là pháp Dị loại trước sau khác nhau. Đây là chỉ nói Sinh, do có Duyên và Lực cho nên khởi, ngoài ra y theo đây mà lập, không chờ nhân mà thành, cho nên nói phỏng theo Phần vị của pháp mà lập riêng. Bài tụng Hiển Dương Tụng ghi:

Sinh và Nhân trái nhau, Không hai nhân Trụ diệt,

Tự nhiên trụ thường hết, Nên biết mặc tình diệt.

Đây là như quyển 52 và Duy Thức quyển 2 nói.

Bốn Duyên, văn phân làm ba đoạn:

1. Nêu tên.

2. Tổng nêu Thể của bốn Duyên.

3. “Lại nữa, do Chủng tử cho nên...” trở xuống, riêng chỉ về tâm để hiển bốn Duyên, như Duy Thức quyển 7 giải thích rộng.

Thể của Nhân duyên, Duy Thức ghi: “Là pháp Hữu vi thân cận phân rõ Tự quả, một là Hiện hành, hai là Chủng tử”. Hiện tại luận này chỉ nói Chủng tử. Duy Thức luận kia tổng hợp các văn ghi: “Chỉ có nói Chủng tử là Nhân duyên”. Luận đó nương vào chỗ hiển thù thắng, không phải tận lý. Thánh giáo nói chuyển thức cùng với A-lại-da triển chuyển mong nhau làm Nhân duyên. Đẳng vô gián duyên là tám thức hiện và các Tâm sở của nó, Tự trước đối với Tự sau bằng nhau mà khai đạo khiến cho Định của nó sinh khởi. Luận đó quyển 4 hội các văn này

nói: “Nếu Thức này không gián đoạn thì Thức kia quyết định sinh”. Nói thì tổng nhưng ý thì biệt, nghĩa không trái nhau. Sở duyên duyên, luận đó ghi: “Hoặc Hữu pháp là liên đới với tướng của nó, thì tâm hoặc là tương ứng với chỗ tư lự và chỗ nương dựa, Thể này có phần, một là cận và một là viễn. Hiện tại tổng thuyết của luận này cũng trái nhau. Tăng thượng duyên, luận kia ghi: “Hoặc Hữu pháp có Dụng thù thắng, có thể đối với các pháp khác hoặc thuận hoặc nghịch”. Luận đó tự hội các văn ghi: “Tuy ba Duyên trước cũng là Tăng thượng duyên”, nhưng luận này quyển 4, trừ Thủ dư thừa của nó ra, là hiển nghĩa các duyên sai biệt, cho nên luận này ghi: “Trừ Sở y khác và Trợ bạn của Chủng tử”. Trừ Sở y khác là trừ Đẳng vô gián y, không nói Cảnh giới hiển hiện rõ ràng, cũng biết là trừ Sở duyên, cho nên chỉ nương vào tâm để hiển bốn Duyên, không nói Tâm sở là Đẳng vô gián duyên. Trong tăng số của Thiện thứ sáu chỉ lập ba thiện không có Thắng nghĩa, vì nói Hữu vi. Phước phần thiện là thuận với Sinh tử thiện. Giải thoát quyết trạch phần thiện, như Đối Pháp luận quyển 13 và Quyết Trạch phần giải thích. Chánh thắng thiện tức là bốn Chánh cần, cũng gọi là Chánh đoạn, vì thắng các ác; vì Thể thù thắng của Cần, không phải là Tà cần, gọi là Chánh thắng. Vô lượng thiện là bốn Vô lượng. Hữu Y Thiện là có chỗ y cầu, cầu ba Hữu thiện. Vô y thiện là không có chỗ y cầu, mong Niết-bàn thiện. Lại nữa, Hữu vật thí gọi là Hữu y thiện. Vô vật tùy hỷ gọi là Vô y thiện, hoặc Hữu tướng thiện gọi là Hữu y thiện, các Vô tướng thiện gọi là Vô y thiện. Thể của Tu tuệ gọi là Căn bản thiện. Tương ứng năm Uẩn gọi là Quyển thuộc thiện, là Tu tuệ phẩm. Hoặc hai nghiệp đạo của Căn bản và Phương tiện, hợp hai làm một nghiệp đạo phẩm. Chỉ nói Văn tư không phải Tu tuệ, là tùy chỗ thích ứng của nó, còn lại là Thiện căn.

Tám Phước sinh là Túc Tán vương của cõi Dục là một, Thần (bây tôi) là hai, thêm Lục dục thiên nữa thành tám, không đồng với chỗ giải thích của cổ nhân. Cõi Dục trừ Thần (bây tôi) ra mà lấy Luân vương, thì Luân vương là chín, Bất động thiên là mười, là Sắc thiên, Vô sắc thiên và Vô lậu thiên.

Thiện liễu tri (khéo hiểu rõ) là trí biết nhân.

Trong Công xảo chỉ làm Hý lạc, các chỗ khác nói điều này thật ra thông với ba tánh, hiện tại chỉ lựa riêng với nhiễm, vì tướng khó biết. Nói rằng làm chỗ sinh khởi của Hý lạc, Tham và Trạo cử, không làm Hoạt mệnh, Tập nghiệp và Giải trạch. Thể của Hý lạc, Công xảo, Nhiễm ô, Hoạt mệnh và Tập nghiệp thật ra là Vô ký. Giải trạch là thiện, thiện tâm tuệ đồng do Giải trạch sinh.

Nói Tuệ nhãn, thật ra không phải Sắc và Nhãn đồng loại. Trong đây nói không phải là một trong năm Nhãn, Tuệ nhãn là tổng hợp ba thứ Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn trong năm Nhãn mà làm Tuệ nhãn này, vì Tuệ là Thể, nhân tiện cho nên nói thêm, mắt có nháy tức là có động mắt, như mắt người nháy mắt; mắt không nháy là không có nháy động mắt, như mắt con tò vò. Mắt làm chỗ nương tức là Nhục nhãn, do đây làm chỗ y mà khởi mắt biến hoá, cho nên gọi là mắt làm chỗ nương. Hoặc là chỗ y của phù căn trần nhãn, thế tục gọi đó là Nhãn, luận này cũng mượn đó đặt tên. Tai nghe rõ, cũng không phải là Sắc, Thể tức là Văn tuệ, nhân đó mà nói là tai, vì văn thuận tiện cho nên nói thêm, là muốn hiển thị mắt tai đều có công dụng vượt trội. Tai nghe giọng cao, vì nghe Thiện pháp, Thắng pháp thì có nghĩa là Pháp nhĩ. Tai không nghe giọng cao, là nghe Ác pháp, Liệt pháp, không có nghĩa là Pháp nhĩ. Trong Thân giải thích có khắp hết thấy là chỗ các căn đeo đuối, thuyết minh nghĩa Thân căn khắp trong bốn căn.

Ý rơi vào thi thiết, Thi thiết là Danh ngôn, duyên tại Danh ngôn gọi là rơi vào thi thiết.

Nội ngoại trong mười một loại là Tự thân và Tha thân khác nhau.

Bảy thức trụ, Câu-xá quyển 8 ghi: “Thân dị và Tưởng dị. Thân dị thì đồng một tướng, ngược lại thì Thân và Tưởng là một, gồm luôn mười ba Vô sắc, cho nên Thức trụ có bảy, còn lại thì không phải có tổn hoại:

1. Hữu sắc hữu tình, Thân dị tướng dị, như người ở cõi cõi Dục và Sơ tinh lự, trừ khi Kiếp sơ.
2. Thân dị tướng nhất, như Phạm chúng thiên khi Kiếp sơ.
3. Thân nhất tướng dị, như cõi Nhị thiên, chán Căn bản hỷ mà nhập Cận phần xả, chán Cận phần xả mà nhập Căn bản hỷ.
4. Thân nhất tướng nhất, như cõi tam thiên. Sơ định do nhiễm tướng gọi là Tưởng nhất, Nhị định do Nhị thiện tướng gọi là Tưởng dị, Tam định do Dị thực tướng gọi là một, vì Thiện hỷ dấy động. Còn lại ba thứ tức là ba Vô sắc dưới đây. Ngoài ra Xứ hoại thức, không nói Thức trụ.

Tăng ngữ xúc, Thức thứ sáu đồng thời với Xúc, có thể khởi ngữ, có thể duyên ngữ, đối với thanh xúc và pháp xúc đều tăng trưởng, do Xúc tăng trưởng gọi là Tăng ngữ xúc. Hữu đối xúc, là năm Thức tương ứng với Xúc, vì căn có cặp đôi. Nương ham thích, là cõi Dục. Xuất ly là cõi Sắc, cõi Vô sắc và Vô lậu. Có ái vị là Hữu lậu. Không có ái vị là Vô

lậu. Thế gian là Phân biệt. Xuất thế gian là Vô phân biệt.

Nương chín loại hữu tình mà ở, Câu-xá tụng ghi:

*Nên biết gồm Hữu danh,
Và hữu tình vô tướng,
Là chín hữu tình cư,
Ngoài ra có Lạc trụ.*

Bảy Thức trụ ở trước và thứ nhất Hữu sắc Hữu tình đều là Vô Tướng thiên, gọi là chín hữu tình cư, còn lại các các nẻo ác khác thì không phải Hữu tình cư, vì không có Lạc trụ. Rộng như luận kia nói.

Trong Tăng sắc, Sắc có nương tựa ánh sáng là chất ánh sáng, sắc không nương tựa ánh sáng là lia chất ánh sáng, hoặc ánh sáng phụ chất cũng gọi là nương tựa, ánh sáng xa chất thì không nương tựa. Sắc ánh sáng chân chánh và không chân chánh là do ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đầy hay vơi. Sắc tích tập là các hình sắc. Trong chín loại không nói nội và ngoại, nếu Tự thân và Tha thân là Ngoại xứ. Định và căn nói riêng, thật ra tương tự âm thanh chỉ có hai tánh. Bất thiện Hữu phú là do Tư của nó phát cho nên được tên đó. Hiền Dương luận ghi: “Giả pháp bên ngoài thông với thiện và ác, thật Thế thì không phải”. Cõi Sắc trước cũng như vậy.

Trong Thanh, hoặc phạm hoặc xuất, nghĩa là nếu phạm thì tự mình trở lại thanh tịnh. Thánh ngôn là xứng với Thật mà gọi là Thánh. Thánh là Chánh.

Suất-đồ-lỗ-ca hương trong Hương, tức là Cự luận nói Đẩu-lâu-bà hương, kinh Địa Trì nói Cầu-cầu-la hương. Tố-khấp-kế-la là thứ lớn hơn hạt mè, sắc đỏ có thể nhuộm lụa được, ở xứ này không có, là Cự đại hương. Tam tân hương, xứ Tây vực phần nhiều lấy ba sự là dầu mè, Tắt-bát và gừng hoà lại làm thuốc viên rồi ăn. Nhất chỉ hương có hình tướng như ngón tay.

Hư dĩ vị là thứ để trị bệnh.

Trong năm Trước, muối mòng là hai, là thứ tư trong sáu thứ Câu sinh. Trong nội thân cùng với thân đồng thời. Sở trị tức là cấu nhiễm. Năng trị tức là nước.

Nghĩa pháp của Pháp giới, như Duy Thức nói.

Tam chủng trong giải thích Pháp giới. Hữu sắc Vô sắc và Hữu vi Vô vi. Hữu vi có hai là Hữu sắc và Vô sắc, gồm Vô vi là ba. Hoặc một Hữu sắc, hai Vô sắc, ba là Hữu sắc Vô sắc, tức là Hữu vi và Vô vi.

Trong bốn loại tăng, chỉ nói Giả sắc, không nói Thật sắc. Luật nghi và Bất luật nghi, các tông thông với Sắc, luận này nói Giả sắc, lược

bỏ không nói Thật sắc.

Pháp do Vô sắc, Vô vi, Giả, Phi giả nhiếp nghĩa là y theo tướng mà nói Chân như là thật, ngoài ra đều là giả.

Thiện, Vô ký, Vô vi đều là nương vào tướng mà nói. Chân như v.v...là thiện, không v.v... là Vô ký.

- Trong mười loại tăng:

1. Tác ý.
2. Thọ.
3. Tưởng.
4. Tư.
5. Xúc.
6. Hư không.
7. Trạch diệt.
8. Phi trạch diệt.
9. Chân như.
10. Ba câu của thân Trung hữu.

Câu thứ nhất là Bất động vô vi, hai câu sau là Tưởng thọ diệt vô vi. Phi thọ là Tưởng, đây là tùy theo thù thắng mà nói, cho nên không có chỗ nào hơn. Hoặc điều Tác ý thứ nhất tức là trừ Thọ, Tưởng, Tư ra, các pháp Tâm sở khác, đuổi theo tâm mà sinh. Điều thứ năm Xúc tức là tương ứng. Lược bỏ không nói Sắc. Hoặc thứ nhất tức là Xúc, tùy theo tâm mới sinh, đây là tùy theo tăng thắng mà nói.

Tổng kết rằng sáu Xứ trong ngoài, các pháp sai biệt có sáu trăm sáu mươi pháp. Đây là căn cứ theo mười hai Xứ, mỗi mỗi đều tăng đến mười, mỗi mỗi đều có năm mươi lăm loại, đây là thành sáu trăm sáu mươi loại, pháp có thể nên có tăng số, đúng lý ra không phải như vậy. Trong năm căn tăng, đều không có tăng mười, nhưng mà có mười một, đã nhân lên cho năm. Ý xứ đến mười hai, nhưng không có tăng mười, sau đó nhân lên cho mười ba, đối với tăng số này hợp chung nhân cho mười tám. Huống chi không tính chỗ nhiếp tám mươi bảy pháp của pháp giới, do đây nên biết chỉ căn cứ theo mười hai Xứ thì mỗi mỗi tổng đại số đều tăng đến mười.

Trong giải thích tên gọi, Nhân tiếng Phạm là Chước-sô, Chước là Hạnh, Sô là Tận, là có thể đối với Cảnh và Hạnh mà thấy tận. Hạnh thấy tận các Sắc cho nên gọi là Hành tận. Hiện tại nói Nhân, là tương đương với nghĩa Thế. Nhĩ, tiếng Phạm là Thú-lâu-đa, Hán dịch là Năng văn, chữ Văn trong câu “Như thị ngã văn”. Hiện tại nói Nhĩ là tương đương với nghĩa Thế. Trong Thiệt, có thể trừ đối khát, chính là Thiệt

căn, phát ra ngôn luận là nơi gương ná của Thiệt. Thế tục gọi là Thiệt, cho nên lấy đó làm tên.

Kế chấp làm Ngã ngã và Ngã sở. Ngã sở là những sở hữu ngoài Ngã. Ngã ngã cũng là Ngã sở, là tính cho niệm Ngã trước, là Ngã của niệm Ngã sau, tức là niệm Ngã trước là Ngã của niệm Ngã sau.

Nghĩa của hữu tình, như Nhiếp dị môn có phân giải thích đủ. Trùng Ốt-tha-nam là thuyết minh nhiều nghĩa trên, đều sai biệt nghĩa của Ý địa, cho nên trùng tụng, nêu ra Thể để hiển nghĩa, là Địa và Thể của nghĩa đó.

Chỉ nói sáu Thiện xảo. Biện Trung Biên nói thông mười Thiện xảo, Quyết Trạch phần quyển hạ nói sáu, bảy Thiện xảo, phẩm Thành Thiện Xảo trong Hiển Dương luận nói các Thiện xảo, đều vì phá chấp, cho nên số không đồng. Rộng như trong các luận đó giải thích.

Việc sinh khởi là Duyên khởi duyên sinh, Đối Pháp luận ghi: “Nhân gọi là Duyên khởi, quả gọi là Duyên sinh”.

Sự sai biệt là Vô lượng giới, tức là năm vô lượng, là giới bị điều phục của pháp giới và thế giới hữu tình. Điều phục phương tiện giới, sau đây sẽ giải thích.

Sau đó Ốt-tha-nam có mười môn:

1. Sắc tụ.
 2. Tương ứng phẩm.
 3. Thế.
 4. Tướng.
 5. Duyên.
 6. Ba tánh.
 7. Tăng số của mười hai Xứ.
 8. Giải thích tên của mười hai Xứ.
 9. Thiện xảo.
 10. Việc của tám chúng.
- Đều tùy theo chỗ tăng thặng mà nói.
